



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - HÀ NỘI

Địa chỉ: A2- CN8 Cụm CN Từ Liêm - P. Phương Canh - Q. Nam Từ Liêm. TP Hà Nội

Tel: (+84).24. 3765 3338. Fax: (+84).24.3 765 3336.

Mã số thuế: 0102314051

Email: info@sabecohanoi.com.vn.

Website: www.sabecohanoi.com.vn.

Số 31./BSGHN

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC/ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi :

- Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – HÀ NỘI**
 - Mã chứng khoán: BSH
 - Địa chỉ trụ sở chính: A2-CN8, Cụm công nghiệp Từ Liêm, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
 - Điện thoại: 024.37653338 Fax: 024.37653336
 - Người thực hiện công bố thông tin: Ông Vương Thừa Đại
 - Chức vụ: Thư ký Hội đồng quản trị
 - Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
- Nội dung công bố thông tin:
- Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội công bố Báo cáo tài chính kết thúc năm 2018

Tôi cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Vương Thừa Đại



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018**



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận	0102314051	ngày 6 tháng 7 năm 2007
Đăng ký Doanh nghiệp số	0102314051	ngày 25 tháng 9 năm 2017

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102314051 ngày 25 tháng 9 năm 2017. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Lâm Du An	Chủ tịch
	Ông Trương Hùng Dũng	Thành viên
	Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên
	Ông Văn Thảo Nguyên	Thành viên
	Ông Nguyễn Hữu Lộc	Thành viên

Ban Kiểm soát	Ông Đặng Thái Bình	Trưởng ban Kiểm soát
	Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Bích Hà	Thành viên
	Ông Phùng Quang Trung	Thành viên (từ ngày 29 tháng 6 năm 2018) (đến ngày 29 tháng 6 năm 2018)

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Hữu Lộc	Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Viết Quý	Phó Giám đốc
	Ông Lê Thanh Tùng	Phó Giám đốc
	Bà Bùi Thị Thanh Ngọc	Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký	Lô A2 CN8, Cụm Công nghiệp Từ Liêm Phường Phương Canh Quận Nam Từ Liêm Thành phố Hà Nội Việt Nam
-----------------------	--

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Hữu Lộc
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 2 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 29 tháng 3 năm 2018.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00317-19-2



Hà Vũ Định
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2019

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		251.621.320.474	295.981.109.739
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	56.286.361.990	176.594.314.345
Tiền	111		56.286.361.990	22.194.314.345
Các khoản tương đương tiền	112		-	154.400.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		72.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	72.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.516.977.858	42.478.407.051
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	34.706.474.447	32.842.499.862
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.371.200.508	8.324.454.365
Phải thu ngắn hạn khác	136		1.439.302.903	1.311.452.824
Hàng tồn kho	140	8	82.235.900.075	75.539.781.898
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.582.080.551	1.368.606.445
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.582.080.551	1.368.606.445
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		254.102.351.693	276.682.677.882
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	1.436.390.000
Phải thu dài hạn khác	216		-	1.436.390.000
Tài sản cố định	220		224.893.554.409	262.285.319.132
Tài sản cố định hữu hình	221	9	224.893.554.409	262.213.096.905
Nguyên giá	222		667.022.012.488	645.859.710.215
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(442.128.458.079)	(383.646.613.310)
Tài sản cố định vô hình	227	10	-	72.222.227
Nguyên giá	228		350.000.000	350.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(350.000.000)	(277.777.773)
Tài sản dở dang dài hạn	240		18.697.143.987	-
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	18.697.143.987	-
Tài sản dài hạn khác	260		10.511.653.297	12.960.968.750
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	10.511.653.297	12.960.968.750
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		505.723.672.167	572.663.787.621

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

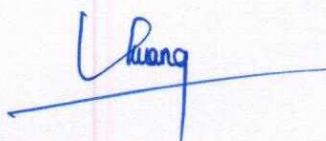
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		221.468.267.661	264.093.259.117
Nợ ngắn hạn	310		206.410.969.919	264.093.259.117
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	23.206.084.772	14.445.439.549
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.104.978.832	845.944.408
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	82.935.868.188	72.980.745.424
Phải trả người lao động	314		5.831.905.681	11.530.020.997
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.024.256.041	2.205.862.133
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	11.892.346.468	41.898.180.224
Vay ngắn hạn	320	16(a)	71.750.614.429	119.643.747.508
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	7.664.915.508	543.318.874
Nợ dài hạn	330		15.057.297.742	-
Vay dài hạn	338	16(b)	14.618.022.047	-
Dự phòng phải trả dài hạn	321		439.275.695	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		284.255.404.506	308.570.528.504
Vốn chủ sở hữu	410	18	284.255.404.506	308.570.528.504
Vốn cổ phần	411	19	180.000.000.000	180.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	180.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.157.486.522	6.157.486.522
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	33.968.770.588	33.968.770.588
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		64.129.147.396	88.444.271.394
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		46.708.265.352	58.519.241.718
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		17.420.882.044	29.925.029.676
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		505.723.672.167	572.663.787.621

Ngày 28 tháng 2 năm 2019

Người lập:



Bùi Thị Thanh Ngọc
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hữu Lộc
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


Mẫu B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng	01	23	677.473.179.332	664.494.631.494
Giá vốn hàng bán	11	24	581.153.765.049	518.141.129.618
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		96.319.414.283	146.353.501.876
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	5.213.150.157	6.383.995.084
Chi phí tài chính	22	26	3.795.015.285	4.190.379.176
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.739.646.399	4.187.212.706
Chi phí bán hàng	25	27	12.569.998.204	14.037.320.008
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	30.007.701.206	23.774.300.934
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		55.159.849.745	110.735.496.842
Thu nhập khác	31		228.707.279	844.243.489
Chi phí khác	32		838.583.338	453.768.040
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(609.876.059)	390.475.449
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		54.549.973.686	111.125.972.291
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	11.905.603.029	22.600.942.615
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		42.644.370.657	88.525.029.676
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.968	4.555

Ngày 28 tháng 2 năm 2019

Người lập:


 Bùi Thị Thanh Ngọc
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Nguyễn Hữu Lộc
 Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	54.549.973.686	111.125.972.291
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	59.147.032.081	52.444.593.814
Các khoản dự phòng	03	439.275.695	-
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(5.026.927.903)	(6.216.639.231)
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình bị xóa sổ	05	692.960.551	-
Chi phí lãi vay	06	3.739.646.399	4.187.212.706
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	113.541.960.509	161.541.139.580
Biến động các khoản phải thu	09	5.309.161.658	(13.083.153.104)
Biến động hàng tồn kho	10	(6.696.118.177)	(3.327.384.616)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	16.116.278.634	(23.326.975.760)
Biến động chi phí trả trước	12	2.235.841.347	1.960.922.988
		130.507.123.971	123.764.549.088
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.878.082.991)	(4.187.212.706)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(17.767.584.197)	(27.772.569.088)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.043.377.162)	(6.511.630.669)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	102.818.079.621	85.293.136.625
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(36.301.592.582)	(15.842.905.659)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(72.000.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	4.115.585.438	6.216.639.231
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(104.186.007.144)	(9.626.266.428)

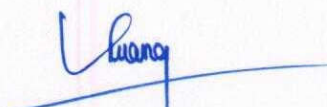
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	693,008,170,356	757.173.216.327
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(726.283.281.388)	(798.516.465.897)
Tiền chi trả cổ tức	36	(85.664.913.800)	(58.335.086.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(118.940.024.832)	(99.678.335.770)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(120.307.952.355)	(24.011.465.573)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	176.594.314.345	200.605.779.918
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70 5	56.286.361.990	176.594.314.345

Ngày 28 tháng 2 năm 2019

Người lập:


 Bùi Thị Thanh Ngọc
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Nguyễn Hữu Lộc
 Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Quyết định số 374/QĐ-SGDHN ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là BSH.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; xuất, nhập khẩu bia, rượu, nước giải khát và các loại hương liệu, nước cốt để sản xuất bia rượu, nước giải khát.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 189 nhân viên (1/1/2018: 193 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 14 năm
▪ phương tiện vận chuyển	7 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 15 năm

Theo công văn số 61328 ngày 1 tháng 9 năm 2018 của Cục Thuế Hà Nội, Công ty đã xác định mức trích khấu hao tài sản cố định hữu hình căn cứ vào giá trị còn lại chia cho thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định hữu hình tính từ ngày 1 tháng 9 năm 2018. Ảnh hưởng việc áp dụng công văn 61328 là làm tăng chi phí khấu hao trong năm 5.165 triệu VND.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do vậy quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và phân phối các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh rượu và nước giải khát. Trong năm, không diễn ra hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh bia. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Công ty chia bộ phận địa lý theo vị trí của khách hàng bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài. Trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỉ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Thông tin về tài sản được trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018 của Công ty phần lớn nằm trong lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền mặt	432.654.797	298.801.126
Tiền gửi ngân hàng	55.853.707.193	21.895.513.219
Các khoản tương đương tiền	-	154.400.000.000
	<hr/>	<hr/>
	56.286.361.990	176.594.314.345

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất 6% một năm (1/1/2018: 5,5% một năm).

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng nhưng dưới 12 tháng từ ngày gửi tiền. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất 6% một năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	27.041.488.482	28.500.230.440
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	7.459.413.742	-
Các khách hàng khác	205.572.223	4.342.269.422
	34.706.474.447	32.842.499.862

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	27.041.488.482	28.500.230.440
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	7.459.413.742	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn – Miền Bắc	176.929.499	176.929.499
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	19.875.240	108.220.200
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang	-	1.127.430.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi	-	34.469.600

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	500.850.760	-
Nguyên vật liệu	46.068.035.580	-	35.212.005.977	-
Công cụ và dụng cụ	1.038.209.040	-	1.244.951.653	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.917.622.380	-	16.047.404.444	-
Thành phẩm	15.200.782.161	-	22.512.658.717	-
Hàng hóa	11.250.914	-	21.910.347	-
	82.235.900.075	-	75.539.781.898	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	58.331.821.860	577.479.341.932	6.840.016.683	3.208.529.740	645.859.710.215
Tăng trong năm	-	443.000.000	1.067.272.727	106.137.000	1.616.409.727
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	20.831.818.182	-	-	20.831.818.182
Xóa sổ	(204.783.636)	(598.900.000)	-	(482.242.000)	(1.285.925.636)
Số dư cuối năm	58.127.038.224	598.155.260.114	7.907.289.410	2.832.424.740	667.022.012.488
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	17.792.581.996	360.519.932.185	3.453.039.778	1.881.059.351	383.646.613.310
Khấu hao trong năm	2.412.314.672	55.272.951.959	910.744.534	478.798.689	59.074.809.854
Xóa sổ	(92.361.758)	(294.599.483)	-	(206.003.844)	(592.965.085)
Số dư cuối năm	20.112.534.910	415.498.284.661	4.363.784.312	2.153.854.196	442.128.458.079
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	40.539.239.864	216.959.409.747	3.386.976.905	1.327.470.389	262.213.096.905
Số dư cuối năm	38.014.503.314	182.656.975.453	3.543.505.098	678.570.544	224.893.554.409

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 6.529 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 125 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	350.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	277.777.773
Khấu hao trong năm	72.222.227
Số dư cuối năm	350.000.000
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	72.222.227
Số dư cuối năm	-

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 350 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: Không), nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng trong năm	39.528.962.169	2.223.478.513
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(20.831.818.182)	(2.223.478.513)
Số dư cuối năm	18.697.143.987	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 18.697 triệu VND (1/1/2018: Không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 16(b)).

Số dư của xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 phản ánh giá trị của hệ thống tách bia.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì lưu chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	11.640.882.388	1.165.945.697	154.140.665	12.960.968.750
Tăng trong năm	-	3.294.157.209	5.845.656.895	9.139.814.104
Phân bổ trong năm	(7.660.925.924)	(2.324.632.253)	(1.603.571.380)	(11.589.129.557)
Số dư cuối năm	3.979.956.464	2.135.470.653	4.396.226.180	10.511.653.297

13. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	7.597.002.247	5.613.366.941
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Năng Lượng Xanh	1.912.168.035	1.516.913.247
Công ty TNHH Thương Mại và Vận tải Thái Tân	1.561.824.000	1.593.631.124
Các nhà cung cấp khác	12.135.090.490	5.721.528.237
	23.206.084.772	14.445.439.549

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	7.597.002.247	5.613.366.941
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	302.317.289	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh	68.200.000	34.100.000

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2018 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/ cán trừ trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	58.453.536.416	701.589.357.378	(687.650.853.234)	72.392.040.560
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.735.903.197	11.905.603.029	(17.767.584.197)	873.922.029
Thuế giá trị gia tăng	7.308.717.806	133.827.619.539	(132.039.437.414)	9.096.899.931
Thuế thu nhập cá nhân	482.588.005	1.689.068.265	(1.598.650.602)	573.005.668
Thuế nhập khẩu	-	452.041.623	(452.041.623)	-
	72.980.745.424	849.463.689.834	(839.508.567.070)	82.935.868.188

15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.377.920.000	10.151.330.000
Cổ tức phải trả	-	31.664.913.800
Phải trả ngắn hạn khác	514.426.468	81.936.424
	11.892.346.468	41.898.180.224

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2018 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2018 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	119.643.747.508	663.780.148.309	(721.413.281.388)	62.010.614.429
Vay dài hạn đến hạn phải trả	-	9.740.000.000	-	9.740.000.000
	119.643.747.508	673.520.148.309	(721.413.281.388)	71.750.614.429

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư Việt Nam (*)	VND	5,5%	62.010.614.429	25.000.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	VND	5,5%	-	34.753.421.498
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	5,0 %	-	59.890.326.010
			62.010.614.429	119.643.747.508

(*) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 130.000 triệu VND và không có đảm bảo.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay dài hạn**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Vay dài hạn	24.358.022.047	-
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(9.740.000.000)	-
	<hr/>	
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	14.618.022.047	-
	<hr/>	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	7,2%	2021	24.358.022.047	-
				<hr/>	

Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam có hạn mức tín dụng là 32.000 triệu VND và được đảm bảo bằng xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 18.697 triệu VND (Thuyết minh 11) (1/1/2018: Không).

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	543.318.874	411.766.957
Trích lập trong năm (Thuyết minh 18)	12.959.494.655	6.533.548.510
Tặng khác	205.479.141	109.634.076
Sử dụng trong năm	(6.043.377.162)	(6.511.630.669)
	<hr/>	
Số dư cuối năm	7.664.915.508	543.318.874
	<hr/>	

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	96.452.790.228	316.579.047.338
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	88.525.029.676	88.525.029.676
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(90.000.000.000)	(90.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(6.533.548.510)	(6.533.548.510)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	88.444.271.394	308.570.528.504
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	42.644.370.657	42.644.370.657
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(54.000.000.000)	(54.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(12.959.494.655)	(12.959.494.655)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	64.129.147.396	284.255.404.506

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt				
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000	18.000.000	180.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000	18.000.000	180.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức như đã được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 2017.

20. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 29 tháng 6 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 36.000 triệu VND (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 (2017: 90.000 triệu VND, tương đương 5.000 VND/cổ phiếu).

Vào ngày 22 tháng 10 năm 2018, Ban Giám đốc Công ty cũng phê duyệt tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 18.000 triệu VND (tương đương 1.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018.

21. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.633.445.816	2.245.452.444
Từ hai đến năm năm	11.827.159.264	8.981.809.776
Sau năm năm	90.358.451.079	49.399.953.768
	<hr/>	<hr/>
	105.819.056.159	60.627.215.988
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	245.974	5.719.164.081	49.35	1.049.772
EUR	127	3.406.953	149.74	3.663.463
		<hr/>		<hr/>

23. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2018	2017
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	663.545.235.389	650.259.889.998
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	1.365.134.592.767	1.338.314.354.453
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(701.589.357.378)	(688.054.464.455)
▪ Doanh thu khác	13.927.943.943	14.234.741.496
	<hr/>	<hr/>
	677.473.179.332	664.494.631.494
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Giá vốn hàng bán

	2018 VND	2017 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	572.730.827.421	515.915.035.024
▪ Giá vốn khác	8.422.937.628	2.226.094.594
	<hr/>	<hr/>
	581.153.765.049	518.141.129.618

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền gửi	5.026.927.903	6.216.639.231
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	186.222.254	167.355.853
	<hr/>	<hr/>
	5.213.150.157	6.383.995.084

26. Chi phí tài chính

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay	3.739.646.399	4.187.212.706
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	55.368.886	3.166.470
	<hr/>	<hr/>
	3.795.015.285	4.190.379.176

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Chi phí bán hàng**

	2018 VND	2017 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.538.566.989	5.781.500.998
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.036.453.967	4.445.552.505
Chi phí nhân viên	2.063.817.561	2.903.020.280
Chi phí bán hàng khác	931.159.687	907.246.225
	<hr/>	<hr/>
	12.569.998.204	14.037.320.008

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	11.843.863.289	10.171.096.812
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.513.675.267	6.386.260.733
Chi phí vật liệu quản lý	3.352.147.532	3.217.243.483
Chi phí khấu hao	897.379.265	803.722.078
Chi phí quản lý khác	6.400.635.853	3.195.977.828
	<hr/>	<hr/>
	30.007.701.206	23.774.300.934

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	494.220.436.585	440.725.157.507
Chi phí khấu hao và phân bổ	59.147.032.081	52.444.593.814
Chi phí nhân viên	37.536.368.843	36.390.717.434
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.871.313.520	20.651.692.948
Chi phí khác	10.963.236.537	14.954.257.726

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2018	2017
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		
Năm hiện hành	11.873.923.029	22.435.903.197
Dự phòng thiếu trong những năm trước	31.680.000	165.039.418
	<hr/> 11.905.603.029	<hr/> 22.600.942.615

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018	2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	54.549.973.686	111.125.972.291
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	10.909.994.737	22.225.194.458
Chi phí không được khấu trừ thuế	963.928.292	210.708.739
Dự phòng thiếu trong những năm trước	31.680.000	165.039.418
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<hr/> 11.905.603.029	<hr/> 22.600.942.615

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	42.644.370.657	88.525.029.676
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(7.223.488.613)	(6.533.548.510)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	35.420.882.044	81.991.481.166

(*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa vào số được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lại cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm trình bày là 18.000.000 cổ phiếu.

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2018 VND	2017 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.235.119.797.727	1.208.238.742.220
Mua nguyên vật liệu	342.586.626.220	300.262.926.721
Cổ tức	28.140.000.000	28.140.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Bán thành phẩm	6.781.285.220	164.300.320
Mua hàng hóa	6.784.000.000	11.578.975.480

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	2018	2017
	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh Mua hàng hóa	613.800.000	404.550.000
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân Bán thành phẩm	-	740.297.352
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi Bán dịch vụ	-	31.336.000
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam Bán dịch vụ	35.669.400	107.079.000
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây Mua hàng hóa	50.000.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung Bán thành phẩm	130.000.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Lý Bán thành phẩm	-	1.916.181.819
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang Bán thành phẩm	-	1.024.936.364
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Bắc Bán thành phẩm	-	28.778.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh Bán thành phẩm	-	1.642.090.909
Công ty Cổ phần Bao bì Sài Gòn – Sông Lam Mua hàng hóa	-	23.760.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sabeco Mua dịch vụ	-	15.000.000
Nhân sự quản lý chủ chốt Lương, thưởng và các phúc lợi khác	4.394.305.350	4.502.553.214

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

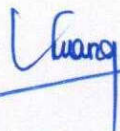
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 28 tháng 2 năm 2019

Người lập:



Bùi Thị Thanh Ngọc
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hữu Lộc
Giám đốc

